

Bản án số: 92/2022/DS-PT

Ngày: 13 – 5 - 2022

*“V/v Tranh chấp ranh đất”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Lạc

*Các Thẩm phán:*

Bà Trần Thị Ngọc Dung

Ông Nguyễn Văn Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Bùi Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 về *“Tranh chấp ranh đất”*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2021/DSST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2022/QĐ – PT ngày 26/4/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* 1/Bà Nguyễn Thị Vĩnh H, sinh năm 1969

2/ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: Số N, đường H, phường L, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T là bà Nguyễn Thị Vĩnh H, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Số N, đường H, phường L, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Văn M là bà Dương Thùy Tr, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: Số K, đường M, khóm A, phường B, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Huỳnh Thị Mười M, sinh năm: 1956

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Trần Văn M

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 06 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2009 bà H, ông T có chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L phần đất thửa 225A diện tích 20m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư và thửa 225B diện tích 180m<sup>2</sup> (kết quả đo đạc thửa 225AB có diện tích 209,5m<sup>2</sup>: Có 62 m<sup>2</sup> tranh chấp với bị đơn và có 19,7m<sup>2</sup> thuộc đất giao thông), loại đất loại đất thổ cư, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Lúc bà L chuyển nhượng cho ông bà, phần đất của bà L liền kề với đất ông M có trụ ranh 01 số cây tạp và hàng dừa để phân biệt ranh đất giữa hai bên. Sau đó ông bà được chỉnh lý mặt 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4 ông bà có sửa chữa để làm lại kho chứa đồ, do nhà ông bà ở thành phố Vĩnh Long nên khoảng vài tháng mới xuống để xem hiện trạng đất. Tiếp giáp với đất của ông bà là đất của ông M thuộc thửa 324A, 324B. Cách đây nhiều năm phần đất lấn chiếm mỗi ngày 01 chút, khoảng 04 năm trước phía ông M có đôn 01 cây dừa và một số cây tạp, ông bà có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã để giải quyết nhưng không thành và hướng dẫn khởi kiện, do có công việc nên ông bà bỏ qua. Khoảng 02 tháng nay ông bà thấy đất của ông bà bị lấn chiếm nhiều nên xảy ra tranh chấp.

Đất của ông bà và đất của ông M được phân biệt bởi trụ ranh, tiếp giáp với trụ ranh là đất trồng một số cây tạp, rồi đến hàng dừa, hiện nay số cây tạp không còn và phần đất trồng lúa của ông M tiếp giáp với hàng dừa của ông bà. Ông bà yêu cầu ông M trả lại cho ông bà phần đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc là 62m<sup>2</sup> thuộc thửa 225AB, đất tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị đơn ông Trần Văn M trình bày:* Ông có phần đất thửa số 324A diện tích 3.510m<sup>2</sup> loại đất 02 lúa và thửa số 324B diện tích 550m<sup>2</sup> loại đất 02 lúa (kết quả đo đạc thửa 324AB có diện tích 4650,4m<sup>2</sup>: Có 62m<sup>2</sup> tranh chấp với nguyên đơn và

5,3m<sup>2</sup> thuộc đất giao thông) đất tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Liền kề với đất của ông là đất của bà H ông T. Phần đất của bà H và ông T trước đây là của cha ông cho bà ngoại của bà L ở nhờ, rồi bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà L chuyển nhượng cho bà H và ông T, lúc chuyển nhượng ông không biết, cũng không có ký giáp cận cho bà H, ông T.

Phần đất của ông và bà H từ trước tới nay không có trụ ranh nhưng được phân biệt là hàng dừa và cây gòn, khoảng 05 -06 năm về trước có 01 cây dừa nằm kế bên đường dây điện nên Công ty điện lực có đốn của bà H và ông T 01 cây dừa, hiện nay các cây dừa còn lại vẫn còn. Việc bà H anh ông T nói ông lấn chiếm đất của ông bà là không có. Theo yêu cầu của nguyên đơn ông không đồng ý.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị Mười M thống nhất theo yêu cầu của ông M.

\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DSST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 167, Điều 168, Điều 169, Điều 170 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn là ông Trần Văn M có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Vĩnh H và ông Nguyễn Hữu T phần đất có diện tích 62m<sup>2</sup> thuộc thửa 225AB, tờ bản đồ số 8, loại đất thổ cư, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất có kích thước tứ cận được thể hiện theo các mốc: 14,13,12,11,21,20,26,25,14 (*Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất và Phụ lục trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/01/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Hồ*) cùng toàn bộ cây trồng có trên đất.

2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vĩnh H, ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự sơ thẩm, chi phí khảo sát đo đạc, và quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 08/11/2021 bị đơn Trần Văn M có đơn kháng cáo với nội dung như sau: yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc buộc nguyên đơn phải chịu; yêu cầu sử dụng kết quả đo đạc theo chương trình Vlap làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Tại phiên Tòa phúc thẩm: bị đơn ông Trần Văn M giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện ông M trình bày: nguồn gốc đất là do ông bà của bị đơn để lại. Sau đó bị đơn cho bà Liên ở nhờ nhưng không có văn bản. Vì lẽ đó các hộ dân ở đây đều biết. Năm 2009 bà L thiếu hụt, kinh tế khó khăn nên âm thầm bán cho nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc trả đất cho nguyên đơn là trái pháp luật. Bởi lẽ nguyên đơn mua lại của bà L năm 2008 nhưng đến năm 2009 mới xác nhận chữ ký. Sau đó mới chỉnh lý mặt 4 nhưng không có ký giáp cận. Quy định xác định ranh là ranh giới được xác định do các bên thỏa thuận. Bà H tranh chấp với ông M là không đúng. Tư liệu chương trình đất này đã thay đổi theo vlap. Ngày 09/9/2015 ông M được cấp quyền sử dụng đất tại thửa 181, 159, 197 chưa được cấp sơ thẩm thu thập làm rõ thì cho là ông M lấn chiếm đất của bà H là không có căn cứ. Phần đất tranh chấp là thửa 159 do bị đơn đứng tên. Đề nghị cho tạm dừng phiên tòa để làm rõ vấn đề ranh giới giữa bà H và ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Trích đo bản đồ địa chính ngày 20/01/2021 theo chỉ ranh của các đương sự tại cấp sơ thẩm xác định diện tích tranh chấp 62m<sup>2</sup> thuộc thửa 225 của nguyên đơn. Tổng diện tích của nguyên đơn 209,5m<sup>2</sup> tăng 9,5m<sup>2</sup>; tổng diện tích đất của bị đơn tăng 590m<sup>2</sup> việc tăng diện tích do xác định theo hiện trạng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lại nguyên đơn 62m<sup>2</sup> theo kết quả đo đạc, nguyên đơn đồng ý với bản án sơ thẩm không kháng cáo.

Tại cấp phúc thẩm bị đơn yêu cầu đo đạc lại, kết quả trích đo bản đồ địa chính thể hiện diện tích tranh chấp 175,4m<sup>2</sup>, trong đó 124,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 225 của nguyên đơn và 49,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 324 của bị đơn. Tuy nhiên hiện nay nguyên đơn đồng ý nhận 62m<sup>2</sup> theo án sơ thẩm và không có kháng cáo. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên nên cần thiết phải căn cứ kết quả trích đo bản đồ tại cấp sơ thẩm làm căn cứ giải quyết vụ án. Như vậy tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn 62m<sup>2</sup> là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 không chấp nhận kháng cáo của bị

đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn nộp án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 26/10/2021 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm. Ngày 08/11/2021 bị đơn Trần Văn M nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Phần đất thửa 225A diện tích 20m<sup>2</sup> và thửa 225B diện tích 180m<sup>2</sup> loại đất thổ cư tọa lạc ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là do ông T và bà H nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị L được Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ công nhận chính lý mặt 4 cho bà Nguyễn Thị Vĩnh H và ông Nguyễn Hữu T.

Phần đất thửa 324A diện tích 3.510m<sup>2</sup> và thửa 324B diện tích 550m<sup>2</sup> loại đất 2 lúa tọa lạc ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Long Hồ cấp ngày 10/10/1995.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc là 62m<sup>2</sup> (thuộc thửa 225B).

Cấp sơ thẩm đã tuyên xử: Buộc bị đơn là ông Trần Văn M có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Vĩnh H và ông Nguyễn Hữu T phần đất có diện tích 62m<sup>2</sup> thuộc thửa 225AB, tờ bản đồ số 8, loại đất thổ cư, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất có kích thước tứ cận được thể hiện theo các mốc: 14,13,12,11,21,20,26,25,14 (*Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất và Phụ lục trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/01/2021*) của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Hồ) cùng toàn bộ cây trồng có trên đất.

Bị đơn Trần văn M không đồng ý với Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm và có kháng cáo.

Xét kháng cáo của ông Trần Văn M: tại cấp phúc thẩm ông M có yêu cầu khảo sát đo đạc lại phần đất tranh chấp giữa hai bên. Cấp phúc thẩm tiến hành

khảo sát đo đạc theo sự chỉ ranh giữa nguyên đơn và bị đơn. Kết quả đo đạc thực tế theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 11/3/2022 phần đất tranh chấp giữa hai bên được xác định 175,4m<sup>2</sup>. Trong đó:

- Có 2,1m<sup>2</sup> thuộc Đường tỉnh 904, gồm các mốc: 21, e, d, 15, 21.
- Có 124,2m<sup>2</sup> thuộc tách thửa 225 do bà Nguyễn Thị Vĩnh Hợp và ông Nguyễn Hữu Tâm đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các mốc: 18, b, c, d, e, 20, 19, 18.
- Có 49,1m<sup>2</sup> thuộc tách thửa 324 do ông Trần Văn Mum đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các mốc: b, 17, 16, c, b.

Tại Trích đo bản đồ địa chính khu đất và Phụ lục trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/01/2021 kết luận phần đất tranh chấp có diện tích 62 m<sup>2</sup> thuộc thửa 225-2 do bà Nguyễn Thị Vĩnh H và ông Nguyễn Hữu T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 11/3/2022 kết luận phần đất tranh chấp có diện tích 124,2m<sup>2</sup> thuộc tách thửa 225 do bà Nguyễn Thị Vĩnh H và ông Nguyễn Hữu T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vĩnh H và ông Nguyễn Hữu T không có kháng cáo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vĩnh H đồng ý nhận 62m<sup>2</sup> như án sơ thẩm đã tuyên.

Tại công văn số: 118/TNMT ngày 20/4/2021 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Long Hồ phúc đáp nội dung như sau: Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp. Xác định phần đất tranh chấp nằm trong thửa 225-2, diện tích 62,0m<sup>2</sup> do bà Nguyễn Thị Vĩnh H và ông Nguyễn Hữu T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể: Phần đất tranh chấp có diện tích 62,0m<sup>2</sup> thuộc thửa số 225-2 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện Long hồ, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị Vĩnh H và ông Nguyễn Hữu T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các mốc số 14,13,12,11,21,20,26,25,14 (Trích đo bản đồ địa chính khu đất và Phụ lục trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/01/2021). Do đó Bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vĩnh H và ông Nguyễn Hữu T là có căn cứ.

Từ những nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn Trần Văn M là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Chi phí khảo sát, đo đạc: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M không được chấp nhận nên ông M phải chịu toàn bộ chi phí khảo sát đo đạc. Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đã nộp chi phí thẩm định, đo đạc nên buộc bị đơn phải nộp để trả lại nguyên đơn. Tại cấp phúc thẩm bị đơn Trần Văn M đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi theo Điều 2 của Luật người cao tuổi và tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án dân sự có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2021/DSST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 167, Điều 168, Điều 169, Điều 170 Luật đất đai năm 2013;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn là ông Trần Văn M có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Vĩnh H và ông Nguyễn Hữu T phần đất có diện tích 62m<sup>2</sup> thuộc thửa 225AB, tờ bản đồ số 8, loại đất thổ cư, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất có kích thước tứ cận được thể hiện theo các mốc: 14,13,12,11,21,20,26,25,14 (*Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất và Phụ lục trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/01/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Hồ*) cùng toàn bộ cây trồng có trên đất.

2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vĩnh H, ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và khảo sát, đo đạc:

- Tại cấp sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vĩnh H, ông Nguyễn Hữu T đã nộp tạm ứng trước. Nên buộc bị đơn ông Trần Văn M nộp 3.319.000 đồng (*Ba triệu ba trăm mười chín ngàn đồng*) để trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vĩnh H, ông Nguyễn Hữu T.

- Tại cấp phúc thẩm: Buộc bị đơn ông Trần Văn M nộp 7.729.000 đồng (*bảy triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng*). Ông M đã nộp xong.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Văn M.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND H. Long Hồ: 01b;
- Chi cục THADS H. Long Hồ : 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Văn Lạc**